

Bản án số: 245/2019/HNGĐ-ST

Ngày 04-10-2019

V/v ly hôn giữa anh T và chị L

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Viễn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Hải

2. Bà Nguyễn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Quốc Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 181/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 170/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Hồng T, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp 1, xã TP, huyện CD, thành phố Cần Thơ “có mặt”

2. *Bị đơn:* Chị Trần Diễm L, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp 2, xã TP, huyện CD, thành phố Cần Thơ “có mặt”.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân T
Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 05/3/2019, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Hồng T trình bày: Anh và chị L xác lập hôn nhân năm 2010, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có thời gian chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị L thiếu sự quan tâm chăm sóc cho gia đình, hiện tại chị L chung sống như vợ chồng với người đàn ông

khác. Vợ chồng ly thân từ năm 2014 đến nay. Xét thấy, vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên anh T xin ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh, chị có 01 con chung tên Trần Bảo K, sinh ngày 22/9/2009, con đang sống cùng cha.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn chị Trần Diễm L trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh T về thời gian tiến tới hôn nhân, con chung, tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, chị L cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo anh T trình bày là không đúng. Sở dĩ chị bỏ nhà đi là do anh T có hành vi đánh chị nhiều lần, chị có khuyên can nhưng anh T không từ bỏ. Năm 2013 chị đi làm nhưng vẫn thường xuyên về thăm con. Nay anh T xin ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Tại phiên tòa:

Anh T, chị L thuận tình ly hôn. Về nuôi con chung chị L đồng ý giao con cho anh T nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ: Anh, chị xác định không có.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Quá trình tố tụng trước đây chị L có tranh chấp quyền nuôi con với anh T. Tuy nhiên tại phiên tòa chị L tự nguyện giao con cho anh T nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Qua phân tích đánh giá chứng cứ, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T và chị L. Con chung giao cho anh T nuôi dưỡng. Ghi nhận anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị L xác lập hôn nhân năm 2010, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa, anh T đánh đập vợ, chị L khuyên can chồng nhiều lần nhưng không có kết quả. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa anh T và chị L thuận tình ly hôn. Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T và chị L.

[2] Về nuôi con chung: Chị L đồng ý giao con cho anh T nuôi dưỡng, chị L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

[5] Về án phí: Anh Trần Hồng T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 17 Luật Phí và lệ phí; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Hồng T và chị Trần Diễm L.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Bảo K, sinh ngày 22/9/2009 cho anh T nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Chị L được quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nghĩa vụ trả nợ: Không có.

5. Về án phí: Anh Trần Hồng T phải nộp 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng anh T đã nộp theo biên lai thu số 001665 ngày 22/7/2019.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều

9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn và bị đơn.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện CĐ;
- TAND TP. Cần Thơ;
- Chi cục THADS huyện CĐ;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Minh Viễn

